

Bản án số: 18/2023/HS-PT
Ngày 08 - 02 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Nam.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Công Huân.

2. Ông Vũ Hoài Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thăng - Thư ký Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 458/HSPT ngày 03 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Trần Văn E và các đồng phạm khác do có kháng cáo của bị cáo Trần Văn E và các đồng phạm khác, kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 170/2022/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án Nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. Trần Văn E, sinh năm 1943 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: ấp 2A, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: ấp 2, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D và bà Hồ Thị H; có vợ và 04 con; tiền án: không; tiền sự: không; tại ngoại, vắng mặt.

2. Trần Văn T (tên gọi khác: Lượm), sinh năm 1971 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: ấp 2A, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn E và bà Hồ Thị R; có vợ và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2014 đến ngày 27/8/2014; tại ngoại, vắng mặt.

3. Nguyễn Văn N (tên gọi khác: Chuột), sinh năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: tổ 7, ấp 4, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo:

không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị M; có vợ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa: Ông Võ Minh T1, Luật sư của Công Ty Luật TNHH TV thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N, có mặt.

Bị hại có kháng cáo:

1. Ông Đặng Văn T2, sinh năm 1977, địa chỉ: tổ 16, ấp 2, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Ông Trần Văn Tú T3, sinh năm 1977, địa chỉ: ấp 2A, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1990, địa chỉ: ấp 4, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Đặng Văn T2: Ông Võ Minh T1 - Luật sư Công ty Luật TNHH TV thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T là con ruột của Trần Văn E, T thường hay bón phân bón phân đất trồng cỏ gần nhà của Đặng Văn T2, gây mùi hôi nên xảy ra mâu thuẫn với Đặng Văn T2. Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 23/7/2012, Đặng Văn T2 về nhà thấy phân bón đổ gần nhà của T2, nên khi đi ngang nhà Trần Văn E nhìn thấy Trần Văn E cùng vợ là Hồ Thị R và con là Trần Văn T, Trần Văn Tú T3, Trần Thanh H đang ngồi ở trong nhà, thuộc ấp 2A, xã Đ, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh, nên T2 dùng lời lẽ chửi ông Trần Văn E rồi bỏ đi. Sau đó, T2 đứng trước cửa nhà của Trần Văn T gần đó (thuộc ấp 2A, xã Đ, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh), tiếp tục chửi. Lúc này Trần Thị Yến T4, là con của Trần Văn T, điện thoại báo cho T biết. Trần Văn T liền điều khiển xe máy về nhà của mình, đồng thời lúc này Trần Văn E cầm cây dao phát cỏ đi bộ theo sau đến nhà T. Trần Văn T về đến nhà nói chuyện với T2 và xảy ra mâu thuẫn. T vào nhà lấy cây dao phát cỏ quay ra để đánh nhau với T2, thì T2 cũng chạy vào nhà mình gần đó lấy cây xẻng xúc đất quay lại cổng nhà T. Do cổng nhà T khoá lại, nên T và T2 đứng cãi nhau. Lúc này Trần Văn E đi bộ đến nhìn thấy và nghe được sự việc nên cầm cây dao phát cỏ chém T2 nhiều cái, T2 cầm cây xẻng xúc đất chống trả lại, Trần Văn T mở cửa cổng ra và cầm cây dao phát cỏ chạy đến hỗ trợ cùng với Trần Văn E chém T2 nhiều cái vào vùng đầu, lưng, tay. T2 bỏ chạy được đưa đi cấp cứu. Trần Văn E, Trần Văn T bị thương tích nhẹ, Trần Văn E đi bộ quay về nhà riêng.

Ngay sau đó anh em của Đặng Văn T2 là Đặng Văn T5, Đặng Văn H1, Đặng Văn N1 biết tin T2 bị đánh nên cùng nhau đến trước công nhà Trần Văn E để kêu

Trần Văn E ra nói chuyện. Đồng thời người làm công cho Đặng Văn T2 là Nguyễn Văn N cũng biết tin T2 bị đánh nên điều khiển xe máy biển số 51Y7-7037 chở Hồ Minh T6 mang theo 02 cây dao tự chế đến nhà Trần Văn E. Trong lúc nhiều người đang cãi nhau trước cổng nhà Trần Văn E, Hồ Minh T6 cầm dao tự chế leo lên tường rào nhà của Trần Văn E định đánh E thì chú ruột của T6 là Hồ Văn P1 can ngăn đưa Thành về nhà. Riêng Nguyễn Văn N cầm theo dao tự chế leo qua tường rào vào nhà Trần Văn E đuổi chém Trần Thanh H1 thì H1 lấy cây quạt điện gần đó chống đỡ và bỏ chạy nên không bị gây thương tích, N tiếp tục chém Trần Văn Tú T3 trúng vào tay trái gây thương tích. Thấy con ruột của mình bị chém nên Trần Văn E dùng cây dao phát cỏ chém nhau với N, Trần Văn E chém gây thương tích Nguyễn Văn N vùng đầu, cổ, tay, chân làm N ngã quỵ xuống đất. Nhiều người bên ngoài hàng rào nhà của Trần Văn E vào bên trong đưa N đi cấp cứu, còn Trần Văn E bị Nguyễn Văn N chém gây thương tích vùng bụng.

Kết luận giám định pháp y được biết hậu quả thương tích như sau:

- Theo bản kết luận giám định pháp y số 1039/TgT.12 ngày 19/10/2012 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Tp. Hồ Chí Minh. Kết luận bị hại Đặng Văn T2 bị tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên là 48%, thương tích do vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra, các thương tích có để lại cố tật.

+ Vết thương vùng thái dương đỉnh phải gây rách da, mở bản ngoài sọ vùng đỉnh phải ngay dưới vết thương dài 3,6 cm đã được khâu vết thương hiện còn sẹo màu nâu phẳng kích thước 5 x 0,5 cm;

+ Vết thương mặt sau 1/3 giữa cẳng tay phải gây đứt toàn bộ gân duỗi, đứt thần kinh quay, gãy 1/3 giữa thân xương quay đã được phẫu thuật kết hợp xương, khâu thần kinh, khâu gân hiện can xương chắc thẳng trục, còn sẹo tại cẳng tay kích thước 14,8x0,2 cm tê hạn chế hoạt động cẳng bàn tay phải. Hai vết thương tích trên do vật sắc tác động với một lực mạnh gây ra.

+ Vết thương mặt sau 1/3 giữa cẳng tay trái gây đứt toàn bộ gân duỗi, đã được điều trị khâu gân, khâu vết thương, hiện còn sẹo kích thước 16x0,2cm tại cẳng tay thương tích do vật sắc nhọn, hoặc vật có cạnh sắc gây ra.

+ Đa vết thương phần mềm gây rách da tạo sẹo màu nâu phẳng tại: Hông lưng có kích thước 22x (0,1-0,3) và 7,8x0,3 cm, hõm nách phải kích thước 0,7x0,2cm. Thương tích do vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra, các thương tích đó để lại có tật, mức độ tổn hại sức khỏe do vết thương gây nên là 48%.

- Theo bản kết luận giám định pháp y số 1040/TgT.12 ngày 19/10/2012 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Tp. Hồ Chí Minh kết luận bị cáo Nguyễn Văn N bị tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên là 72%, các thương tích do vật sắc, sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra, các thương tích có để lại cố tật.

+ Vết thương đỉnh đầu gây rách da, vỡ sọ đã được khâu, vết thương bảo tồn, hiện còn sẹo màu nâu phẳng, có kích thước 7,3x0,2cm;

+ Vết thương vai phải gây gãy mỏm vai đã được khâu vết thương, hiện chưa can xương chắc, còn sẹo màu nâu, lõm nhẹ kích thước 8,5x (0,3-0,9) cm;

+ Vết thương mặt ngoài khuỷu trái gây mẻ lõi cầu ngoài xương cái tay đã được khâu vết thương hiện còn sẹo màu nâu, lõi kích thước 6x0,4cm, không hạn chế hoạt động khuỷu tay;

+ Vết thương bàn tay trái gây đứt gân lia bàn tay, đã được điều trị kết hợp xương cổ bàn tay, bàn tay, khâu gân cơ, khâu mạch máu, thần kinh hiện còn sẹo màu nâu kích thước 18,5x0,15cm, teo cơ, tê hạn chế vận động rất nặng do tổn thương thần kinh có hình gãy xương bàn V, các xương cổ tay trên phim XQ. Bốn vết thương trên do vật sắc nhọn tác động với một lực mạnh gây ra;

+ Vết thương vùng cẳng tay phải gây rách da đứt cơ, thần kinh, mạch máu trụ đã được khâu vết thương, hiện còn sẹo màu nâu lõi kích thước 16,5x0,3cm tại 1/3 trên cẳng tay di chứng tê cẳng tay, bàn ngón tay bên trụ, hạn chế vận động bàn tay ngón phải một phần do tổn thương nặng dây thần kinh trụ;

+ Vết thương phần mềm tại đùi gối trái gây rách da, đứt cơ đã được điều trị hiện còn sẹo màu nâu lõi kích thước 16,3x0,8cm tại mặt trong 1/3 dưới đùi, gối trái;

+ Đa vết thương phần mềm gây rách da tạo sẹo màu nâu còn lõi: Gáy kích thước 6,7x0,5cm; Vai phải kích thước 6,4x0,3cm và 4,2x0,3cm; trên đòn phải kích thước 8,5x0,2cm; Đầu ngón II tay phải kích thước 2x0,1cm; Mặt trong bàn chân phải thối kích thước 2,5x0,2cm.

Các vết thương do vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra, các thương tích để lại cố tật, mức độ tổn hại sức khỏe do vết thương tích gây nên là 72%.

- Theo bản kết luận giám định pháp y số 1079/TgT.12 ngày 01/11/2012 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Tp. Hồ Chí Minh kết luận Trần Văn Tú T3 bị tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên là 23%, nhiều khả năng thương tích do vật tày tác động gây ra, thương tích có để lại cố tật.

+ Chân thương khuỷu tay trái gây nứt chỏm trên xương quay, trật khớp khuỷu, đã được phẫu thuật lấy bỏ chỏm quay nếp trật, xuyên kim cố định hiện còn sẹo mổ tại vùng khuỷu, hình ảnh mất chỏm trên xương quay và một phần mỏm khuỷu tay xương trụ trên phim XQ, gấp cẳng tay 90 độ, duỗi cẳng tay 150 độ. Nhiều khả năng do vật tày tác động gây ra. Thương tích để lại cố tật. Mức tổn hại sức khỏe do vết thương gây nên là 23%.

Ngày 31/10.2013 Trung tâm giám định pháp y Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 93/TTPY.GT-13 về giải thích kết quả giám định thương tật của Trần Văn Tú T3 như sau: Thương tích tại khuỷu tay trái do vật tày tác động với một lực mạnh gây ra.

- Theo bản kết luận giám định pháp y số 1078/TgT.12 ngày 01/11/2012 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Tp. Hồ Chí Minh kết luận bị cáo Trần Văn E bị tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên là 03%, các thương tích do vật sắc, sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra, có để lại cố tật nhẹ.

+ Sẹo màu nâu lõi nhẹ tại thượng vị kích thước 8,5x (0,1-0,2)cm;

+ Sẹo giảm sắc tổ phẳng kích thước 6,2x0,1cm tại cẳng tay phải.

Các vết thương do vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc nhọn gây ra, có để lại cố tật nhẹ. Mức độ tổn hại sức khỏe do vết thương gây nên là 03%.

- Theo bản kết luận giám định pháp y số 1077/TgT.12 ngày 01/11/2012 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Tp. Hồ Chí Minh kết luận bị cáo Trần Văn T bị tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên là 02%, nhiều khả năng thương tích do vật tày gây ra, có để lại cố tật nhẹ.

+ Vết thương phần mềm gây mất da đã được điều trị hiện còn sẹo tại mặt lòng mô cái bàn tay trái kích thước 2,3x1cm nhiều khả năng thương tích do vật sắc hay có cạnh sắc gây ra;

+ Vết thương đầu ngón III bàn tay trái gây mất $\frac{1}{2}$ móng đến nền móng đã được điều trị, hiện không thấy dấu vết gì ở đầu ngón III. Nhiều khả năng thương tích do vật tày gây ra. Thương tích tại mô cái bàn tay trái có để lại cố tật nhẹ. Mức độ tổn hại sức khỏe do vết thương gây nên là 02%.

- Về trách nhiệm dân sự: bị cáo Trần Văn E, Trần Văn T tự nguyện đã khắc phục hậu quả 60.000.000 đồng (trong đó bị cáo Trần Văn E 10.000.000 đồng; bị cáo Trần Văn T 50.000.000 đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

- Vật chứng vụ án:

+ 01 cây dao tự chế dùng để phát cỏ bờ có tổng chiều dài 127cm (lưỡi bằng kim loại màu đen dài 40cm, bản rộng 4cm, cán bằng gỗ dài 87cm);

+ 01 con dao tự chế có tổng chiều dài 67cm (lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 45cm, cán bằng gỗ dài 22cm có quấn băng keo màu đen);

+ 01 cái xẻng có tổng chiều dài 110cm (lưỡi bằng kim loại màu đen dạng bầu dục, kích thước 34cm x 24cm, cán bằng cây tầm vông dài 76cm);

+ 01 cây quạt điện để bàn màu xanh, hiệu Supper (đã bị gãy làm đôi) 01 đôi dép da nam, hiệu Mỹ Quyên.

Tất cả vật chứng trên, hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi thu giữ theo Lệnh nhập kho vật chứng (bút lục số 39) của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi.

Tại bản Cáo trạng số: 128/CT-VKS-HS, ngày 06 tháng 8 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố:

Bị cáo Trần Văn E về tội “Cố ý gây thương tích” và “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” theo điểm c khoản 3 Điều 134 và điểm b khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Bị cáo Trần Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa sơ thẩm bị hại Đặng Văn T2 yêu cầu bị cáo Trần Văn E; bị cáo Trần Văn T bồi thường thiệt hại cụ thể như sau:

- Tiền thuốc và viện phí nằm viện: 23.791.083 đồng;

- Chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 18.000.000 đồng;

- Chi phí hợp lý do thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bệnh thiệt hại trong thời gian điều trị (02 người chăm sóc) là 72.000.000 đồng;

- Thu nhập thực tế bị mất: 4.420.000 x 116 tháng tính đến thời điểm xét xử số tiền 486.200.000 đồng;

- Bồi thường do mất khả năng lao động (đến 62 tuổi) (26 năm x 12 tháng x 4.200.000) số tiền là 1.379.040.000 đồng;

- Bồi thường thiệt hại do tổn về tinh thần 50 tháng x 1.490.000 = 74.500.000 đồng.

Tổng số tiền bị hại ông Đặng Văn T2 yêu cầu bồi thường là 2.053.531.083 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Văn N yêu cầu bị cáo Trần Văn E bồi thường thiệt hại cụ thể như sau:

- Tiền thuốc và phí nằm viện 49.296.357 đồng;

- Chi phí tập vật lý trị liệu do 02 bàn tay bị chém đứt 25.000.000 đồng;

- Chi phí đi lại (cứu chữa, nuôi nằm viện, vật lý trị liệu, tái khám) 10.000.000 đồng;

- Chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe (100.000/ngày = 3.000.000 đồng/tháng x 24 tháng) số tiền là 144.000.000 đồng;

- Chi phí hợp lý cho việc phục hồi các chứng năng bị mất, giám sát 200.000.000 đồng;

- Chi phí hợp lý của 02 người chăm sóc (200.000/ngày x 02 người x 30 ngày x 12 tháng) số tiền là 144.000.000 đồng;

- Bồi thường do mất khả năng lao động (đến 62 tuổi 40 năm x 12 tháng x 4.200.000 đồng) số tiền là 2.121.600.000 đồng;

- Thu nhập thực tế bị mất hoặc giám sát: 4.200.000/tháng x 116 tháng tính đến ngày xét xử số tiền là 512.720.000 đồng;

- Bồi thường thiệt hại cho người được cấp dưỡng: ông Nguyễn Văn C (62 tuổi) bà Nguyễn Thị M (61 tuổi) số tiền là 53.040.000 đồng;

- Bồi thường thiệt hại do tổn thất tinh thần 50 tháng x 1.490.000 đồng số tiền là 74.000.000 đồng;

Tổng số tiền bị cáo yêu cầu bồi thường là 3.334.156.357 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị hại ông Trần Văn Tú T3 yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường chi phí chữa bệnh bao gồm tiền thuốc chi phí đi lại số tiền là 24.600.000 đồng và tiền mất việc làm trong thời gian chữa bệnh 06 tháng là 33.600.000 đồng. Tổng số tiền ông Trần Văn Tú T3 yêu cầu bị cáo N bồi thường thiệt hại cho ông T3 số tiền 58.200.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 170/2022/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án Nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 7; điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 38; Điều 54 Điều 56; 65 và điểm s, o khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Căn cứ vào Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 260; Điều 268; Điều 269; Điều 329; Điều 333 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Tuyên bố bị cáo Trần Văn E, phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 và “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” theo khoản 2 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa, đổi bổ sung năm 2017);

Áp dụng Điều 38; Điều 54; 106 và điểm s, o khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Phạt bị cáo Trần Văn E 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 14/7/2014 đến ngày 13/8/2015, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Tổng hợp hình phạt bị cáo Trần Văn E là 4 năm 06 tháng tù nhưng khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 14/7/2014 đến ngày 13/8/2015, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, khi bản án phát sinh có hiệu pháp luật.

2/ Tuyên bố bị cáo Trần Văn T, phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa, đổi bổ sung năm 2017);

Áp dụng Điều 38; Điều 54; 106 và điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Phạt bị cáo Trần Văn T 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 14/7/2014 đến ngày 13/8/2015, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

3/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Áp dụng Điều 65 và điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/8/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và các điều 584, 585, 586, 590, điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Văn E bồi thường cho bị hại Đặng Văn T2 số tiền là: 200.610.000 đồng (khắc phục hậu quả 10.000.000 nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi theo biên lai số 02587 ngày 01/8/2013). Số tiền bị cáo Trần Văn E bồi thường thiệt hại cho bị hại T2 số tiền là 190.610.00 đồng.

Buộc bị cáo Trần Văn E bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn N số tiền là: 205.796.357 đồng.

Buộc bị cáo Trần Văn T bồi thường cho bị hại Đặng Văn T2 số tiền là: 133.740.00 đồng (khắc phục hậu quả nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi số tiền 50.000.000 đồng theo biên lai số 02587 ngày 01/8/2013 (10.000.000 đồng) và biên lai nộp tiền số AA/2021/0012790 ngày 09/8/2022) (40.000.000 đồng).

Số tiền bị cáo Trần Văn T bồi thường thiệt hại cho ông Đặng Văn T2 là: 83.740.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường cho bị hại Trần Văn Tú T3 số tiền là: 41.100.000 đồng.

Tuyên bên thi hành án còn phải chịu lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 09/9/2022, bị cáo Trần Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 12/9/2022, bị cáo Trần Văn E kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho hưởng án treo.

Ngày 12/9/2022, bị hại Đặng Văn T2 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chuyển tội danh từ “Cố ý gây thương tích” sang tội “Giết người” đối với bị cáo Trần Văn E, Trần Văn T. Xem lại mức bồi thường thiệt hại vì quá thấp, không đúng quy định của pháp luật.

Ngày 12/9/2022, bị cáo, bị hại Nguyễn Văn N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chuyển tội danh từ “Cố ý gây thương tích” sang tội “Giết người” đối với bị cáo Trần Văn E, Trần Văn T. Bỏ lọt người phạm tội là Trần Văn Tú T3 và Trần Thanh H1 là con của bị cáo Trần Văn E. Tòa án cấp sơ thẩm xử Nguyễn Văn N về

tội “Cố ý gây thương tích” cho Trần Văn Tú T3 23% và Trần Văn E 3% là không đúng, gây oan sai. Xem lại mức bồi thường thiệt hại vì quá thấp, không đúng quy định của pháp luật.

Ngày 13/9/2022, bị hại Trần Văn Tú T3 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt bị cáo Nguyễn Văn N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo, bị hại Nguyễn Văn N, bị hại Đặng Văn T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhận định án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đúng quy định; cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đã tiến hành thực nghiệm điều tra dựng lại hiện trường 04 lần để xác định có hay không việc bỏ lọt người phạm tội nhưng bị cáo E và bị cáo N không hợp tác. Bị cáo E vẫn xác nhận là người gây thương tích cho Nguyễn Văn N. Thời điểm xảy ra vụ án vào ngày 23/7/2012 nên không áp dụng Án lệ 47/2021 để hỏi tố gây bất lợi cho bị cáo, áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20-6-2017 và Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 theo hướng có lợi cho bị cáo. Và đã xét xử đối với bị cáo Trần Văn E về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 và “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” theo khoản 2 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xét xử bị cáo Trần Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xét xử bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tuyên xử bị cáo Em 04 năm 06 tháng tù về hai tội, bị cáo T 03 năm tù là thỏa đáng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng chế định án treo cho bị cáo N là không đúng bởi hành vi của bị cáo thể hiện tính côn đồ nên chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Văn Tú T3 không cho bị cáo N hưởng án treo.

Về phần bồi thường dân sự là có lợi cho bị hại nên giữ nguyên phần này của án sơ thẩm.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, bị hại Trần Văn E, Trần Văn T, Nguyễn Văn N, Đặng Văn T2; chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Văn Tú T3. Sửa bản án sơ thẩm không cho bị cáo N được hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo N trình bày: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chuyển tội danh từ “Cố ý gây thương tích” sang tội “Giết người” đối với bị cáo Trần Văn E, Trần Văn T. Vì Bộ luật hình sự năm 1985 và Bộ luật hình sự năm 1999 quy định hành vi của hai bị cáo là tội giết người. Bỏ lọt người phạm tội là Trần Văn Tú T3 và Trần Thanh H1 là con của bị cáo Trần Văn E. Tòa án cấp sơ thẩm xử Nguyễn Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” cho Trần Văn Tú T3 23% và Trần Văn E 3% là không đúng, gây oan sai. Tăng mức bồi thường thiệt hại vì quá thấp, không đúng

quy định của pháp luật. Bởi lẽ, bị cáo E và bị cáo T không có mục đích giết người nhưng đã dùng hung khí nguy hiểm tấn công vào vùng trọng yếu của bị hại là tội giết người, một mình bị cáo E không thể gây ra thương tích cho bị hại N. Do đó, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại T2 trình bày: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chuyển tội danh từ “Cố ý gây thương tích” sang tội “Giết người” đối với bị cáo Trần Văn E, Trần Văn T. Tăng mức bồi thường thiệt hại vì quá thấp, không đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại đồng ý với luận cứ bào chữa, luận cứ bảo vệ của luật sư, không bổ sung.

Kiểm sát viên đối đáp: Luật áp dụng để xét xử các bị cáo là Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 chứ không áp dụng 02 Bộ luật hình sự như vị luật sư đã nêu. Do đó, Kiểm sát viên bảo lưu quan điểm đã trình bày.

Luật sư bảo lưu luận cứ bào chữa, luận cứ bảo vệ.

Bị cáo N xin xem xét bị cáo không có tính côn đồ.

Nói lời sau cùng bị cáo Nhã đã thấy hành vi của mình là sai, xin được hưởng án treo để có điều kiện điều trị thương tật, chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Trần Văn E kháng cáo nhưng có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T có đơn xin hoãn phiên tòa để mời luật sư khác bào chữa, bị hại Trần Văn Tú T3 vắng mặt tại phiên tòa (Tòa án cấp phúc thẩm đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất ngày 29/12/2022 do bị cáo E xin hoãn do bị bệnh, bị cáo T xin hoãn cũng lý do tương tự), do đó sự vắng mặt đó của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Bị cáo Trần Văn T có miếng đất trồng cỏ để nuôi bò sữa, gần nhà Đặng Văn T2, bị cáo T thường đổ phân bò bón phân cho cỏ gây mùi hôi thối, nên giữa Đặng Văn T2 và bị cáo T xảy ra cự cãi và có mâu thuẫn từ trước. Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 23/7/2012, Đặng Văn T2 từ chòi nuôi vịt về nhà thấy phân bò đổ gần nhà của T2 gây hôi thối nên giữa T2 và bị cáo T xảy ra cự cãi. T2 khi đi ngang nhà bị cáo Trần Văn E nhìn thấy bị cáo E cùng vợ là Hồ Thị R và các con là Trần Văn T, Trần Văn Tú T3, Trần Thanh H1 đang ngồi ở trong nhà, tại địa chỉ: ấp 2A, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên T2 dùng lời lẽ thô tục chửi bị cáo E rồi bỏ đi. Sau đó, T2 đứng trước cửa nhà của bị cáo T gần đó (địa chỉ: ấp 2A, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh), tiếp tục chửi. Lúc này, Trần Thị Yến T4, là con của bị cáo T, điện thoại báo cho T biết. Bị cáo Trần Văn T liền điều khiển xe máy về nhà của T, đồng thời lúc này bị cáo E cầm cây dao phát cỏ đi bộ theo sau đến nhà T. Khi T về

đến nhà nói chuyện với T2 và xảy ra mâu thuẫn. T vào nhà lấy cây dao phát cỏ quay ra để đánh nhau với T2, thì T2 cũng chạy vào nhà mình gần đó lấy cây xẻng xúc đất quay lại cổng nhà T. Nhưng do cổng nhà T khoá lại, nên T đứng trong và T2 đứng ngoài cự cãi nhau. Lúc này, bị cáo E đi bộ đến nhìn thấy và nghe được sự việc nên cầm cây dao phát cỏ chém T2 nhiều cái, T2 cầm cây xẻng xúc đất chống trả lại bị cáo E, khi phát hiện E và T2 đánh nhau, T mở cửa cổng ra và cầm cây dao phát cỏ chạy đến hỗ trợ cùng với E chém T2 nhiều cái vào vùng, lưng, tay. T2 bỏ chạy được người dân đưa đi cấp cứu. Trần Văn E, Trần Văn T bị thương tích nhẹ, sau đó Trần Văn E đi bộ quay về nhà.

Khoảng 15 phút cùng ngày, sau khi nghe ông Vũ Trường S báo T2 bị gia đình T và E chém phải đưa đi cấp cứu các anh em ruột của Đặng Văn T2 là Đặng Văn T5, Đặng Văn H1, Đặng Văn N1 biết tin T2 bị đánh nên cùng nhau đến trước công nhà Trần Văn E để kêu Trần Văn E ra nói chuyện. Đồng thời người làm công cho T2 là Nguyễn Văn N cũng biết tin T2 bị đánh nên điều khiển xe máy biển số 51Y7-7037 chở Hồ Minh T6 mang theo 02 cây dao tự chế đến nhà Trần Văn E. Trong lúc nhiều người đang cãi nhau trước công nhà Trần Văn E, Hồ Minh T6 cầm dao tự chế leo lên tường rào nhà của E định đánh E thì chú ruột của T6 là Hồ Văn P can ngăn đưa T6 về nhà. Riêng Nguyễn Văn N cầm theo dao tự chế leo qua tường rào vào nhà E đuổi chém Trần Thanh H thì H lấy cây quạt điện gần đó chống đỡ và bỏ chạy nên không bị gây thương tích, N tiếp tục chém Trần Văn Tú T3 trúng vào tay trái gây thương tích. Thấy con ruột của mình bị chém nên bị cáo E dùng cây dao phát cỏ chém nhau với N, bị cáo E chém gây thương tích Nguyễn Văn N vùng đầu, cổ, tay, chân làm N ngã quỵ xuống đất. Nhiều người bên ngoài hàng rào nhà của E vào bên trong đưa N đi cấp cứu, còn E bị Nguyễn Văn N chém gây thương tích vùng bụng được người nhà đưa đi cấp cứu.

Thương tích của các bị cáo, bị hại qua giám định cụ thể như sau:

- Đặng Văn T2 với mức độ tổn hại sức khỏe do vết thương gây nên là 48%, thương tích do vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra, các thương tích có để lại cố tật.

- Nguyễn Văn N với mức độ tổn hại sức khỏe do vết thương gây nên là 72%, vết thương do vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra, các thương tích để lại cố tật.

- Trần Văn Tú T3 với mức độ tổn hại sức khỏe do vết thương gây nên là 23%, thương tích do vật tày tác động với một lực mạnh gây ra, để lại cố tật, tác động bằng bản của lưỡi dao.

- Trần Văn E với mức độ tổn hại sức khỏe do vết thương gây nên là 03%, vết thương do vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc nhọn gây ra, có để lại cố tật nhẹ.

- Trần Văn T với mức độ tổn hại sức khỏe do vết thương gây nên là 02%, vết thương do vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc nhọn, vật tày gây ra, có để lại cố tật nhẹ.

Theo yêu cầu của Tòa án cấp phúc thẩm xét xử ngày 07/12/2015, thì:

Cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đã tiến hành thực nghiệm điều tra dựng lại hiện trường vụ án 04 lần để xác định có hay không việc bỏ lọt người phạm tội nhưng bị

cáo E và bị cáo N không hợp tác. Bị cáo E vẫn xác nhận là người gây thương tích cho Nguyễn Văn N.

Tại văn bản số 41/TTPY.GT-16 ngày 04/8/2016 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh V/v giải thích pháp y đương sự Nguyễn Văn N, Trần Văn E, Trần Văn Tú T3 (BL 854):

“- Hung khí gây thương tích cho các đương sự đã được nêu trong các bản kết luận giám định thương tích của các đương sự.

- Trung tâm Pháp y giám định 13 thương tích trên người của Nguyễn Văn N sinh năm 1990. Trong thời gian 01 phút với sức vóc của đương sự Trần Văn E (Trung tâm Pháp y có cử giám định viên tham dự phiên tòa nên nhận định được vấn đề này), đương sự E có thể gây ra được 13 vết thương như đã giám định trên người đương sự N bằng hung khí là dao chất cở bờ như quí cơ quan cung cấp.

- Cây mã tấu Nhã sử dụng, như quí cơ quan cung cấp gây ra được thương tích tại tay của Tú T3 với tỉ lệ là 23% như đã giám định vì bản và sống mã tấu tác động sẽ là vật tày tác động (đã giải thích tại phiên tòa ngày 26/8/2015). Cũng như gây ra được hai thương tích tại bụng và tay của đương sự E như đã giám định”.

Tại văn bản số 41/TTPY.GT-20 ngày 23/11/2020 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh V/v giải thích pháp y đương sự Nguyễn Văn N, Trần Văn E, Trần Văn Tú T3 đối với các bản kết luận pháp y như đã nêu tại phần nội dung vụ án (BL 1478):

“- Về hung khí đã nêu trong bản kết luận.

- Dao tự chế như cung cấp gây ra được:

+ Thương tích cho đương sự E khi tác động bằng lưỡi sắc, mũi sắc nhọn.

+ Thương tích cho đương sự T khi tác động bằng bản của lưỡi dao.

- Dao phát cở như cung cấp có thể gây ra được tất cả thương tích như đã giám định đối với đương sự Nguyễn Văn N”.

Như vậy, bị cáo Trần Văn E và bị cáo Trần Văn T đã có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm gây thương tích đối với bị hại Đặng Văn T2 với tỷ lệ thương tật là 48%; bị cáo Trần Văn E gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh đối với bị hại Nguyễn Văn N với tỷ lệ thương tật 72%; bị cáo Nguyễn Văn N có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm gây thương tích đối với Trần Văn E với tỷ lệ thương tật là 03% và Trần Văn Tú T3 với tỷ lệ thương tật là 23%.

Trần Văn E, Trần Văn T không yêu cầu bồi thường và xử lý hình sự.

Trong vụ án này, cần phải xác định nguyên có của vụ án xuất phát từ bị hại Đặng Văn T2 và lỗi một phần từ bị cáo, bị hại Nguyễn Văn N. Tuy nhiên, hành vi của Nguyễn Văn N là nhất thời, muốn bênh vực cho Đặng Văn T2 mà bị cáo N là người làm công cho T2 nên không có tính côn đồ.

Thời điểm xảy ra vụ án vào ngày 23/7/2012 nên không áp dụng Án lệ 47/2021 để hỏi tố gây bất lợi cho bị cáo, áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày

20-6-2017 và Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 theo hướng có lợi cho bị cáo.

[3] Với hành vi khách quan nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử các bị cáo Trần Văn E, Trần Văn T, Nguyễn Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 2 (áp dụng cho bị cáo Nhã) điểm c khoản 3 (áp dụng cho bị cáo E và T) Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (khoản 2 thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm, khoản 3 thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm); xử phạt bị cáo Trần Văn E về tội “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm) là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Và khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo E và T đã tự nguyện khắc phục hậu quả cụ thể: bị cáo E nộp 10.000.000 đồng, bị cáo T nộp 50.000.000 đồng; bị cáo E là người đủ 70 tuổi trở lên; bị hại có một phần lỗi; bị cáo N bị tổn hại sức khỏe do vết thương gây nên là 72%. Do đó, cho bị cáo Trần Văn E được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn N được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xử phạt bị cáo Em 04 năm 06 tháng tù về hai tội, bị cáo Tú 03 năm tù và bị cáo N 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo là có căn cứ, đúng pháp luật là thỏa đáng, không nặng.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của hai bị cáo E và T đã được áp dụng để vận dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, bị cáo E tuy đã trên 70 tuổi nhưng phạm 02 tội nên không còn căn cứ để áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp và không có tình tiết mới. Riêng, bị cáo T có nộp thêm số tiền 20.000.000 đồng theo biên lai số 0004118 ngày 06/02/2023 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để bồi thường thiệt hại cho bị hại thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo nhưng không làm thay đổi mức hình phạt mà án sơ thẩm đã xem xét xử dưới khung hình phạt cho bị cáo.

[4] Về bồi thường thiệt hại: do vụ án xảy ra vào ngày 23/7/2012 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị quyết số 03/2006 ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để giải quyết phần dân sự.

Tại bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã nhận định:

Đối với yêu cầu của bị hại Đặng Văn T2 yêu cầu bị cáo Trần Văn E và bị cáo Trần Văn T bồi thường thiệt hại:

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự bị xâm phạm là 74.500.000 đồng, bị hại T2 tuy sức khỏe bị xâm phạm, nhưng việc bị xâm phạm cũng có phần

lỗi của ông T2 vì hành vi chửi mắng, xúc phạm gia đình bị cáo E, bị cáo T trước đó. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần của ông Đặng Văn T2;

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do tổn hại sức khỏe, trong đó: chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút gồm: tiền thuốc, tiền viện phí là: 18.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy đây là chi phí hợp lý nên chấp nhận.

- Đối với yêu cầu bồi thường chi phí hợp lý do thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bệnh thiệt hại trong thời gian điều trị (02 người chăm sóc) là 72.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy về mặt thương tích của ông Đặng Văn T2 chỉ cần 01 chăm sóc là đủ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của một người chăm sóc cho ông T2 trong thời gian điều trị 36.000.000 đồng.

- Đối với yêu cầu bồi thường do mất khả năng lao động (đến 62 tuổi) số tiền là 1.379.040.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên chưa có cơ sở nên không chấp nhận. Nếu có giám định xác định không khả năng còn lao động thì có yêu cầu khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

- Đối với yêu cầu bồi thường đối với thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút: $4.420.000/\text{tháng} \times 116 \text{ tháng tính đến ngày xét xử (30/8/2022)}$ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận 50% yêu cầu của ông T2 là 243.100.000 đồng.

- Đối với yêu cầu thiệt hại về tinh thần do thương tích: $50 \text{ tháng} \times 1.490.000 \text{ đồng}$, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông T2 có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu bồi thường 50% số tiền là 37.250.000 đồng.

Tổng hợp các yêu cầu của bị hại Đặng Văn T2, yêu cầu bị cáo Trần Văn E, bị cáo Trần Văn T bồi thường thiệt hại được Hội đồng xét xử chấp nhận là 334.350.000 đồng. Trong đó bị cáo Trần Văn E với mức độ gây thương tích cho bị hại T2 nặng hơn cho nên phải chịu bồi thường 60% (tương đương số tiền 200.610.000 đồng) bị cáo T mức độ gây nguy hiểm thấp hơn nhưng với vai trò đồng phạm nên phải chịu mức bồi thường thiệt hại 40% (tương ứng với số tiền là 133.740.000 đồng).

Đối với yêu cầu bồi thường của bị hại Nguyễn Văn N yêu cầu bị cáo Trần Văn E bồi thường thiệt hại:

- Đối với yêu cầu bồi thường về tiền thuốc và chi phí nằm viện 49.296.357 đồng đây là chi phí hợp lý, phù hợp có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do tổn về thất tinh thần do danh dự nhân phẩm bị xâm phạm $50 \text{ tháng} \times 1.490.000 \text{ đồng} = 74.500.000 \text{ đồng}$, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận, vì bị cáo là người có lỗi trước để gây ra chính thương tích cho mình, do vậy không chấp nhận yêu cầu của bị cáo;

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do chi phí tập vật lý trị liệu do 02 tay bị tổn thương là 25.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy đây là chi phí điều trị hợp lý chấp nhận 50% chi phí nên chấp nhận 12.500.000 đồng nên chấp nhận;

- Đối với yêu cầu bồi thường chi phí đi lại, tái khám, nuôi nằm viện, tập vật lý trị liệu là 10.000.000, Hội đồng xét xử xét thấy đây là chi phí điều trị hợp lý nên chấp nhận;

- Đối với yêu cầu bồi thường chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 1.100.000 đồng/ngày = 3.000.000 đồng x 24 tháng = 144.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy nên có cơ sở yêu cầu 50% số tiền là 72.000.000 đồng;

- Đối với chi phí cho phục hồi các chức năng bị mất, giảm sút là 200.000.000 đồng Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở nên không chấp nhận.

- Đối với yêu cầu bồi thường chi phí hợp lý do thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bệnh thiệt hại trong thời gian điều trị (02 người chăm sóc) 200.000 đồng x 02 người x 30 ngày x 12 tháng = 144.000.000 đồng không có cơ sở hai người chăm sóc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận chi phí hợp lý do thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bệnh thiệt hại trong thời gian điều trị một người là 72.000.000 đồng;

- Đối với yêu cầu thu nhập thực tế bị mất 4.420.000 đồng x 116 tháng (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/8/2022) = 512.720.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận;

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do mất khả năng lao động (đến 62 tuổi) 40 năm x 12 tháng x 4.420.000 đồng = 2.121.600.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở nên không chấp nhận;

- Đối với yêu cầu bồi thường cho người được cấp dưỡng cha ông Nguyễn văn C (62 tuổi) và mẹ bà Nguyễn Thị M (61 tuổi) số tiền 53.040.000 đồng, không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do bị tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị tổn hại 50 tháng x 1.490.000 đồng = 74.500.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở nên không chấp nhận.

Tổng hợp tất cả các yêu cầu bồi thường bị hại N yêu cầu, Hội đồng xét xử chỉ có cơ sở buộc bị cáo Trần Văn E, số tiền là 205.796.357 đồng

Bị hại ông Trần Văn Tú T3 yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường chi phí chữa bệnh bao gồm tiền thuốc chi phí đi lại số tiền là 24.600.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở nên chấp nhận đối với yêu cầu tiền mất việc làm trong thời gian chữa bệnh 06 tháng là 33.600.000 đồng (chấp nhận 50% số tiền này, cụ thể là 16.800.000 đồng). Nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường thiệt hại cho ông T3 số tiền là 41.100.000 đồng.

Và Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử:

Buộc bị cáo Trần Văn E bồi thường cho bị hại Đặng Văn T2 số tiền 200.610.000 đồng (khắc phục hậu quả 10.000.000 đồng nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi theo biên lai số 02587 ngày 01/8/2013). Số tiền bị cáo Trần Văn E còn phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Thảo số tiền 190.610.00 đồng.

Buộc bị cáo Trần Văn E bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn N số tiền 205.796.357 đồng.

Buộc bị cáo Trần Văn T bồi thường cho bị hại Đặng Văn T2 số tiền 133.740.00 đồng (được khấu trừ vào số tiền 50.000.000 đồng nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi theo biên lai số 02587 ngày 01/8/2013 (số tiền 10.000.000 đồng) và biên lai nộp tiền số AA/2021/0012790 ngày 09/8/2022) (số tiền 40.000.000 đồng).

Số tiền bị cáo Trần Văn T còn phải bồi thường cho bị hại Đặng Văn T2 83.740.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường cho bị hại Trần Văn Tú T3 số tiền 41.100.000 đồng.

Là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 604, Điều 605, Điều 609 và Điều 612 Bộ luật dân sự năm 2005. Và tại phiên tòa phúc thẩm các bên kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới với so với những chứng cứ đã được xét tại cấp sơ thẩm nên không có cơ sở sửa án phần này.

Tuy nhiên, án sơ thẩm chưa khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng mà bị cáo Trần Văn T đã nộp tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo các biên lai số 09639 và 09640 ngày 23/11/2015 cho phần phải bồi thường của bị cáo đối với bị hại Đặng Văn T2 nên được khấu trừ số tiền này. Và khấu trừ thêm số tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo mới nộp tại giai đoạn phúc thẩm.

[5] Với lập luận tại đoạn [2], [3] và [4] là căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm:

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn E, Trần Văn T, Nguyễn Văn N, không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Nguyễn Văn N, Đặng Văn T2, Trần Văn Tú T3 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận hay không chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên trình bày, luận cứ bào chữa, bảo vệ của luật sư cho bị cáo, bị hại.

[6] Xét về án phí:

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo T, N và bị hại T2, T3 phải chịu; án phí dân sự sơ thẩm bị cáo T, N phải chịu; bị cáo E được miễn án phí, bị hại được miễn án phí dân sự phúc thẩm do thuộc trường hợp được miễn theo quy định tại Điều 12, Điều 14, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017.

[7] Những vấn đề cần sửa án sơ thẩm:

- Án sơ thẩm áp dụng điều luật của Bộ luật dân sự năm 2015 là không đúng;
- Khấu trừ thời hạn tạm giam vào thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo E và T chưa chính xác, cụ thể bị cáo E chưa bị bắt giam được tại ngoại cho đến nay, còn bị cáo T bị bắt giam từ ngày 21/5/2014 đến ngày 27/8/2014 (BL 418-472);

- Chưa khấu trừ số tiền nộp khắc phục hậu quả dẫn đến tuyên mức bồi thường và án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo T chưa chính xác.

Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng và sửa án sơ thẩm ở phần này theo quy định tại Điều 345 và Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 351, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 345 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b khoản 2 Điều 135, điểm b điểm s điểm o khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 55 và Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (áp dụng đối với bị cáo Trần Văn Em);

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (áp dụng đối với bị cáo Trần Văn Tú);

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 và Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn Nhã);

Căn cứ Điều 604, Điều 605 và Điều 609 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 12, Điều 14 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

Sửa bản án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn E 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”. Tổng hợp hình phạt tù chung là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Buộc bị cáo E bồi thường cho bị hại Đặng Văn T2 số tiền 200.610.000 đồng (được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi theo biên lai số 02587 ngày 01/8/2013). Số tiền bị cáo E còn phải bồi thường cho bị hại T2 là 190.610.000 đồng.

Buộc bị cáo E bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn N số tiền 205.796.357 đồng.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2014 đến ngày 27/8/2014.

Buộc bị cáo T bồi thường cho bị hại Đặng Văn T2 số tiền 133.740.00 đồng (được khấu trừ vào số tiền 50.000.000 đồng nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi theo biên lai số 02587 ngày 01/8/2013 (số tiền 10.000.000 đồng) và biên lai

nộp tiền số AA/2021/0012790 ngày 09/8/2022) (số tiền 40.000.000 đồng), số tiền 10.000.000 đồng nộp tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo các biên lai số 09639 và 09640 ngày 23/11/2015 và số tiền 20.000.000 đồng nộp tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo biên lai số 0004118 ngày 06/02/2023). Số tiền bị cáo T còn phải bồi thường cho bị hại Đặng Văn T2 là 53.740.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/8/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Buộc bị cáo N bồi thường cho bị hại Trần Văn Tú T3 số tiền 41.100.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo T, N và bị hại T3, T2 mỗi người phải chịu là 200.000 đồng; bị cáo E được miễn.

Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo T phải chịu 2.687.000 đồng, bị cáo N phải chịu 2.055.000 đồng, bị cáo E được miễn.

Án phí dân sự phúc thẩm: các bị hại N, T3, T2 được miễn.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND huyện Củ Chi; (1)
- THA-DS huyện Củ Chi; (1)
- TAND huyện Củ Chi; (4)
- Công an huyện Củ Chi; (1)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (2)
- Bị cáo; (3)
- Bị hại; (2)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu, hình sự, hồ sơ. (27) (4)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Nam